



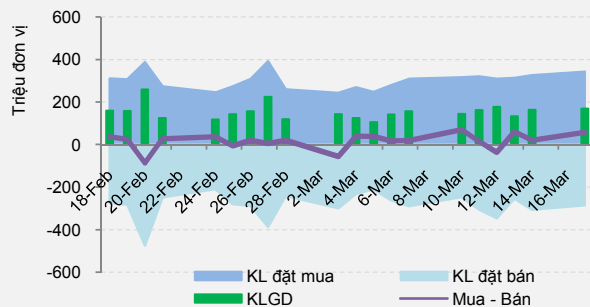
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 17/3/2014

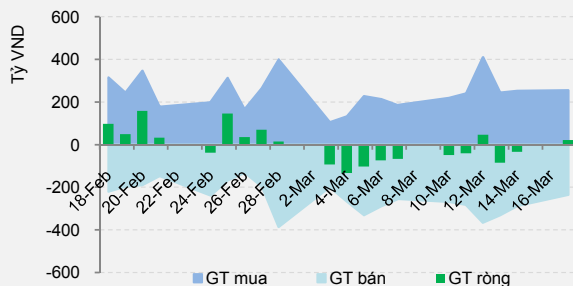
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	600.4	86.3
% Thay đổi	↑ 0.6%	↑ 2.2%
KLGD (CP)	170,181,160	124,576,467
GTGD (tỷ đồng)	3,316.85	1,377.13
Tổng cung (CP)	284,505,500	148,248,300
Tổng cầu (CP)	342,916,480	195,501,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	6,208,880	1,540,350
KL mua (CP)	6,010,270	1,814,100
GTmua (tỷ đồng)	256.29	30.65
GT bán (tỷ đồng)	234.78	26.65
GT ròng (tỷ đồng)	21.50	4.00

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.15%	9.6	2.2	2.5%
Công nghiệp	↑ 2.09%	395.9	1.4	18.8%
Dầu khí	↓ -1.98%	8.9	2.0	3.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.79%	15.1	2.2	1.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.26%	11.5	3.5	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.35%	14.1	5.2	12.4%
Ngân hàng	↓ -0.44%	14.4	1.4	5.9%
Nguyên vật liệu	↓ -0.07%	11.9	2.2	15.1%
Tài chính	↑ 2.38%	16.3	2.4	36.3%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.04%	11.8	4.3	3.5%
VN - Index	↑ 0.59%	14.8	3.2	70.7%
HNX - Index	↑ 2.23%	21.3	1.7	29.3%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,967,120	1.2%	1,706,200	1.0%
GTGD (triệu VND)	70,359	2.4%	50,682	1.7%

ĐIỀU CHỈNH GIẢM LÃI SUẤT - THỊ TRƯỜNG TĂNG ĐIỂM MẠNH - VN-INDEX LÊN CAO NHẤT 4 NĂM

Nhận định: Hai chỉ số Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với độ rộng thị trường tích cực. Dòng tiền tập trung vào nhóm quỹ ETF thực hiện mua vào, nhóm cổ phiếu chứng khoán với kỳ vọng động thái nới room. Nhóm cổ phiếu thị giá thấp mang tính đầu cơ duy trì đà tăng giá mạnh. Nhóm cổ phiếu Bluechips, đặc biệt cổ phiếu trong danh mục bán ra của quỹ ETF kém tích cực hơn thị trường chung, tuy nhiên lực cầu giá thấp khá tốt.

Với phiên tăng điểm này, chỉ số VN-Index đã vượt qua ngưỡng cân tâm lý 600 điểm, thiết lập mức cao nhất kể từ cuối năm 2009, chỉ số HNX-Index đã vượt qua ngưỡng cân kỹ thuật 85 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường. Theo PTKT trên đồ thị tuần của VN-Index, khi VN-Index bứt phá qua ngưỡng cân 600 điểm, mục tiêu hướng tới của VN-Index là vùng +/-630 điểm. Mục tiêu tiếp theo của HNX-Index là vùng +/-100 điểm.

Động thái giao dịch của quỹ ETF dự báo không tác động nhiều đến thị trường chung và mang tính ngắn hạn, khi giá trị mua/bán khá cân đối và lực cầu chờ mua cổ phiếu quỹ ETF bán ra tại mức giá hấp dẫn không nhỏ. Nhà đầu tư tiếp tục xem xét TĂNG TỶ TRỌNG cổ phiếu tại thời điểm thị trường yếu, ưu tiên cổ phiếu bluechips, midcap có yếu tố cơ bản tốt, có thông tin tích cực mùa ĐHCĐ.

- Chỉ số VN-Index tăng 3.53 điểm (0.59%), lên 600.36 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 603.24 điểm.

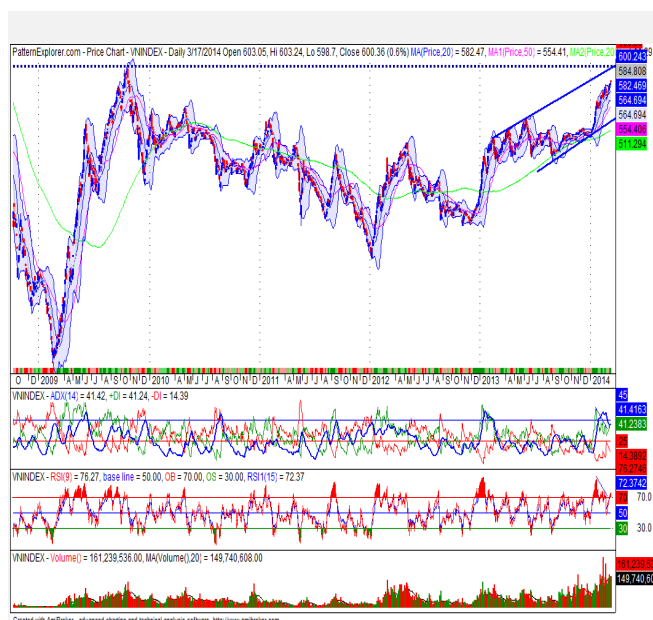
- Chỉ số HNX-Index tăng 1.87 điểm (2.22%), lên 86.31 điểm, mức cao nhất thiết lập trong phiên.

- NHNN quyết định giảm một loạt lãi suất chủ chốt kể từ ngày mai, 18/3. Cụ thể, lãi suất tái cấp vốn, tái chiết khấu giảm 0.5%, trần lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn dưới 6 tháng giảm 1%, lãi suất huy động USD giảm 0.25%, các Ngân hàng tiếp tục lãi suất huy động VND kỳ hạn trên 6 tháng. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên giảm từ 9%/năm xuống 8%/năm. Lãi suất cho vay đối với các Doanh nghiệp thực hiện thu mua tạm trữ lúa gạo vụ Đông Xuân 2014 tối đa là 7%/năm; lãi suất cho vay các chương trình thí điểm các mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao và thúc đẩy các sản phẩm nông nghiệp tối đa là 7%/năm đối với khoản vay ngắn hạn và tối đa là 10-10.5%/năm đối với khoản vay trung và dài hạn.

- Quyết định điều chỉnh giảm một loạt lãi suất chủ chốt đến từ thực tế CPI thấp và thanh khoản toàn hệ thống Ngân hàng dồi dào. Đón trước quyết định điều chỉnh lãi suất của NHNN, nhiều Ngân hàng đã chủ động giảm lãi suất huy động kỳ hạn ngắn xuống 6%. Vấn đề quan trọng thị trường chờ đợi là việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, đặc biệt là với hợp đồng tín dụng đang thực hiện. Trước đó, Thống đốc NHNN tuyên bố, nếu tình hình thuận lợi, mặt bằng lãi suất cho vay khả năng giảm thêm 1-2%.

- Tính đến 13/3, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống giảm 1.05%, có cải thiện so với mức giảm 1.66% tại thời điểm cuối tháng 2. Huy động vốn vào hệ thống Ngân hàng tiếp tục tăng, tính đến 13/3 tăng 1.92% so với cuối 2013, trong đó huy động VND tăng 2.23%, huy động ngoại tệ giảm 0.09%.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Trung tính	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 3.53 điểm (0.59%), lên 600.36 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 603.24 điểm.

- KLGD tương đương phiên giao dịch trước, đạt 161 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 72 điểm, tiến vào ngưỡng quá mua. MACD 9 ngày đã cắt lên trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng giá.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với độ rộng thị trường tích cực. Dòng tiền tập trung vào nhóm quỹ ETF thực hiện mua vào, nhóm cổ phiếu chứng khoán với kỳ vọng động thái nới room. Nhóm cổ phiếu thị giá thấp mang tính đầu cơ tiếp tục diễn biến tăng giá mạnh. Nhóm cổ phiếu Bluchips, đặc biệt cổ phiếu trong danh mục bán ra của quỹ ETF kém tích cực hơn thị trường chung, tuy nhiên lực cầu giá thấp khá tốt.

Với phiên tăng điểm này, chỉ số VN-Index đã vượt qua ngưỡng cản tâm lý 600 điểm, thiết lập mức cao nhất kể từ cuối năm 2009. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường. Theo PTKT trên đồ thị tuần của VN-Index, khi VN-Index bứt phá qua ngưỡng cản 600 điểm, mục tiêu hướng tới của VN-Index là vùng +/-630 điểm.

Động thái giao dịch của quỹ ETF dự báo không tác động nhiều đến thị trường, khi giá trị mua/bán khá cân đối, và lực cầu chờ mua cổ phiếu quỹ ETF bán ra tại mức giá hấp dẫn không nhỏ. Nhà đầu tư tiếp tục xem xét TĂNG TỶ TRỌNG cổ phiếu trong thời điểm thị trường yếu, ưu tiên cổ phiếu cơ bản tốt, có thông tin tích cực mùa ĐHCĐ.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Trung tính	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.87 điểm (2.22%), lên 86.31 điểm, mức cao nhất thiết lập trong phiên.

- KLGD tăng nhẹ 4% so với phiên trước, lên 124 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 76 điểm, tiến vào ngưỡng quá mua. MACD 9 ngày đã cắt lên trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng giá.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản tích cực. Đà tăng khởi đầu từ nhóm cổ phiếu chứng khoán, từ đó lan tỏa sang thị trường chung. Độ rộng toàn thị trường tích cực. Một số cổ phiếu thuộc danh mục ETF diễn biến kém tích cực hơn thị trường chung, tuy nhiên lực cầu chờ mua giá thấp không nhỏ.

Với phiên tăng điểm này, chỉ số HNX-Index đã vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 85 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường. Theo PTKT, khi HNX-Index bứt phá qua ngưỡng cản 85 điểm, mục tiêu tiếp theo của HNX-Index là vùng +/-100 điểm.

Động thái giao dịch của quỹ ETF dự báo không tác động nhiều đến thị trường, khi giá trị mua/bán khá cân đối, và lực cầu chờ mua cổ phiếu quỹ ETF bán ra tại mức giá hấp dẫn không nhỏ. Nhà đầu tư tiếp tục xem xét TĂNG TỶ TRỌNG cổ phiếu trong thời điểm thị trường yếu, ưu tiên cổ phiếu cơ bản tốt, có thông tin tích cực mùa ĐHCĐ.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

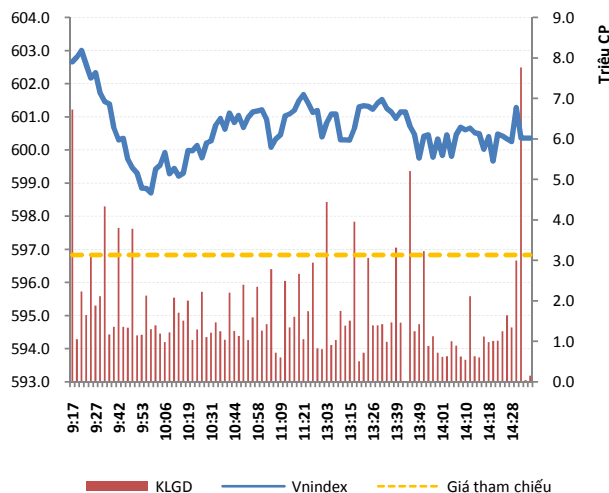
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/03/2014

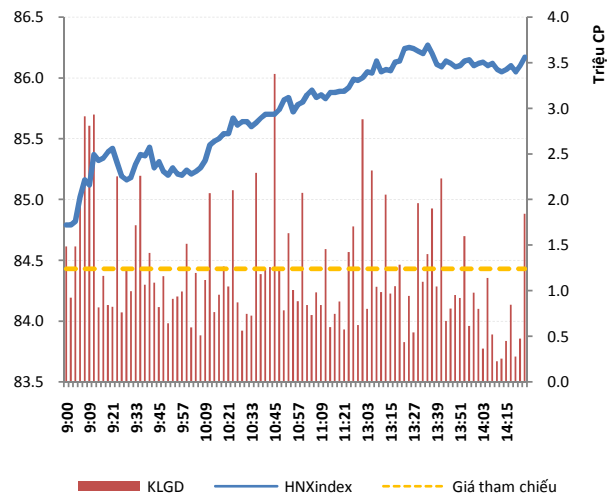


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

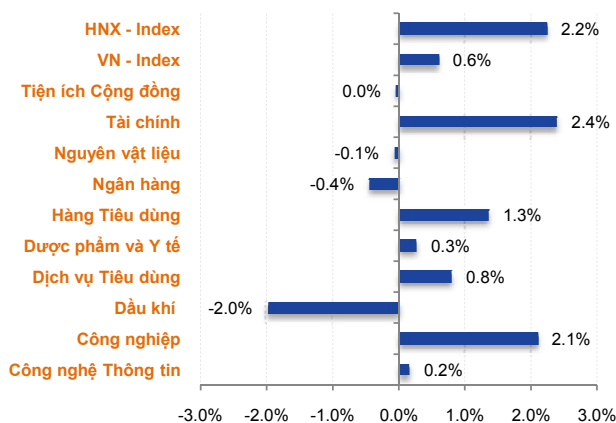
KLGD và VN-Index trong phiên



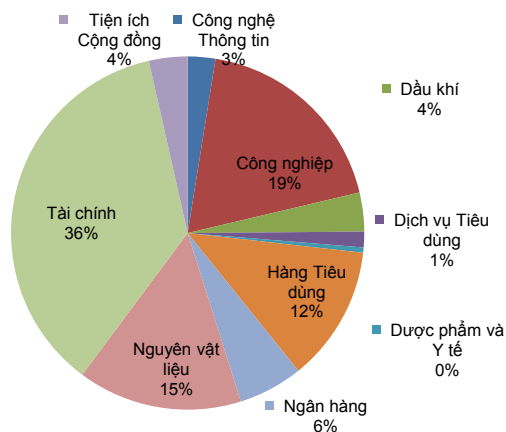
KLGD và HNX-Index trong phiên



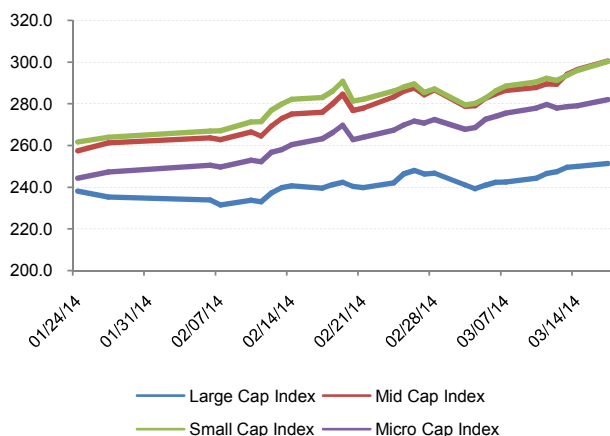
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



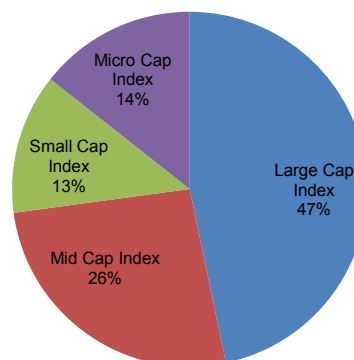
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HAG	412,510	KBC	418,700
2	NLG	307,080	VSH	392,390
3	VHC	300,650	PET	322,660
4	MSN	274,470	VIC	210,640
5	CTG	189,430	ITA	203,860

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	901,200	VND	331,500
2	PHH	119,200	KLS	206,500
3	DBC	88,400	PVS	183,900
4	SHB	67,800	IVS	130,300
5	VPC	38,000	PLC	55,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.9	9.0	↑ 1.12%	9,668,530
FLC	13.7	13.8	↑ 0.73%	8,406,080
HAG	27.1	28.2	↑ 4.06%	6,988,470
HSG	57.5	58.0	↑ 0.87%	6,212,080
HQC	8.8	9.0	↑ 2.27%	5,569,930

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLS	12.6	13.7	↑ 8.73%	14,362,404
SHB	9.9	10.1	↑ 2.02%	12,033,613
VCG	15.3	16.8	↑ 9.80%	11,172,600
SCR	9.5	10.3	↑ 8.42%	9,682,000
PVX	5.9	6.4	↑ 8.47%	9,567,565

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GSP	14.3	15.3	1.0	↑ 6.99%
ALP	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
DRH	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
DTA	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
AGR	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PVV	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
VTS	12.0	13.2	1.2	↑ 10.00%
PVA	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
VPC	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
ALV	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LIX	33.0	30.7	-2.3	↓ -6.97%
SCD	32.6	30.4	-2.2	↓ -6.75%
GTT	9.2	8.6	-0.6	↓ -6.52%
VLF	6.4	6.0	-0.4	↓ -6.25%
BRC	11.3	10.6	-0.7	↓ -6.19%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CAN	23.0	20.7	-2.3	↓ -10.00%
PRC	12.5	11.3	-1.2	↓ -9.60%
VIE	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%
VHL	29.3	27.5	-1.8	↓ -6.14%
VTV	16.4	15.5	-0.9	↓ -5.49%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	9,668,530	0.7%	73	123.0	0.8
FLC	8,406,080	7.9%	663	20.8	1.7
HAG	6,988,470	8.0%	1,372	20.6	1.6
HSG	6,212,080	25.7%	5,770	10.1	2.4
HQC	5,569,930	3.5%	376	23.9	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	14,362,404	5.5%	716	19.1	1.0
SHB	12,033,613	7.6%	854	11.8	0.9
VCG	11,172,600	10.0%	1,233	13.6	1.3
SCR	9,682,000	0.4%	53	194.3	0.7
PVX	9,567,565	-115.4%	(5,275)	-	3.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GSP	↑ 7.0%	12.6%	1,545	9.9	1.2
ALP	↑ 7.0%	-10.8%	(1,050)	(4.4)	0.5
DRH	↑ 7.0%	0.6%	62	74.1	0.5
DTA	↑ 7.0%	-7.1%	(767)	(6.0)	0.4
AGR	↑ 6.9%	0.9%	94	82.2	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PVV	↑ 10.0%	-22.4%	(1,891)	19.1	0.6
VTS	↑ 10.0%	-7.6%	(1,799)	(7.3)	0.6
PVA	↑ 10.0%	-31.1%	(1,297)	(3.4)	1.2
VPC	↑ 10.0%	-11.9%	(1,177)	(2.8)	0.4
ALV	↑ 10.0%	3.7%	429	12.8	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	412,510	8.0%	1,372	20.6	1.6
NLG	307,080	1.4%	191	102.7	1.5
VHC	300,650	11.5%	2,667	10.1	1.1
MSN	274,470	3.0%	611	176.7	5.3
CTG	189,430	13.2%	1,818	9.3	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	901,200	10.0%	1,233	13.6	1.3
PHH	119,200	0.3%	47	168.4	0.6
DBC	88,400	12.3%	3,128	7.9	0.9
SHB	67,800	7.6%	854	11.8	0.9
VPC	38,000	-11.9%	(1,177)	-	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	161,075	40.8%	6,535	13.0	4.8
VNM	123,353	39.6%	7,839	18.9	7.0
MSN	79,370	3.0%	611	176.7	5.3
VCB	71,376	10.3%	1,878	16.4	1.7
VIC	71,338	47.7%	7,379	10.6	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,297	6.6%	886	18.7	1.2
PVS	12,552	21.0%	3,568	7.9	1.5
SHB	8,949	7.6%	854	11.8	0.9
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
VCG	7,421	10.0%	1,233	13.6	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	4.87	0.6%	62	74.1	0.5
PXM	3.45	491.0%	(10,149)	-	(0.3)
VNG	3.21	0.3%	35	197.2	0.6
NKG	2.71	18.2%	1,858	8.0	1.3
CDC	2.39	0.9%	148	55.4	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCC	4.60	1.9%	268	16.8	0.3
SHN	4.04	1.9%	52	113.5	2.1
HPC	3.68	5.5%	385	16.1	0.9
HHL	3.58	-67.9%	(1,016)	-	2.0
PPG	3.48	-35.7%	(3,417)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)